PHỤ LỤC I
MẪU CÔNG VĂN ĐỀ NGHỊ CẤP VÀ MẪU THẺ, GIẤY PHÉP, CHỨNG NHẬN AN NINH HÀNG KHÔNG
(*Kèm theo Thông tư số 115/2026/TT-BCA ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công an*)

Mẫu số 01	Công văn đề nghị cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không
Mẫu số 02	Công văn đề nghị cấp giấy phép, năng định chuyên môn cán bộ, chiến sĩ, nhân viên kiểm soát an ninh hàng không
Mẫu số 03	Tờ khai cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng dài hạn
Mẫu số 04	Danh sách trích ngang cán bộ, nhân viên cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng dài hạn
Mẫu số 05	Danh sách đề nghị cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng ngắn hạn
Mẫu số 06	Danh sách phương tiện đề nghị cấp giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng dài hạn/ngắn hạn
Mẫu số 07	Thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng dài hạn
Mẫu số 08	Thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng ngắn hạn
Mẫu số 09	Giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng dài hạn
Mẫu số 10	Giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng ngắn hạn
Mẫu số 11	Thẻ giám sát viên an ninh hàng không
Mẫu số 12	Giấy phép thực hiện nhiệm vụ kiểm soát an ninh hàng không

Mẫu số 01. Công văn đề nghị cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không

---

Tên đơn vị đề nghị… Name of organization **-------**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** Independence - Freedom - Happiness ----------
Số (Number):……/……. V/v (Subject): …….....	… (location), ngày (date)…tháng (month)… năm (year)…

Kính gửi: (tên cơ quan/đơn vị nhận công văn)

Attn: [Name of organization receives this official letter]

Căn cứ các quy định pháp luật liên quan đến việc (tóm tắt nội dung đề nghị: cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không; ……. , (tên cơ quan/đơn vị đề nghị) …….. giải trình và đề nghị như sau:

In accordance with legal provisions regarding the issue/subject … [briefly describe the request: submitting the issuance airport security permit/license; we [name of organization who sent this official letter] would like to request/discuss the issue/subject as follows:

1. Nội dung giải trình: [(2)]……

Details of issue and subject and its justification.

2. Nội dung đề nghị: [(3)] ……

Details of request.

3. Địa chỉ, số điện thoại, fax của cơ quan, đơn vị; thư điện tử của người được giao nhiệm vụ để giải trình, làm việc với cơ quan, đơn vị nhận công văn.

Contact details (address, telephone number, fax, etc.) of the organization that sends this letter and email address of the designated person to liaise with the organization receiving this official letter.

Trân trọng cảm ơn./.

Yours sincerely,

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
HEAD OF ORGANIZATION/UNIT

(Ký tên, đóng dấu)
(Signature and seal)”

Nơi nhận:
(Recipients)
- Như trên;
(As above)
- …;
- Lưu …
(Save)

---

[1] Ghi chú: nếu công văn có từ 02 trang trở lên phải đóng dấu giáp lai.

Note: should the official letter bearing 2 pages or more, the joint-page- seal mark must be attached.”

(2) - Đối với đề nghị cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không phải giải trình cụ thể lý do đề nghị cấp thẻ, giấy phép; thời gian, địa điểm và nguyên nhân mất thẻ (nếu đề nghị cấp lại do mất thẻ, giấy phép).

- Đối với đề nghị cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng ngắn hạn có thể sử dụng mẫu văn bản của cơ quan, đơn vị đề nghị, nhưng tối thiểu có các nội dung sau: thông tin họ và tên, số điện thoại và thư điện tử của người đại diện làm thủ tục đề nghị cấp thẻ, giấy phép.

- Regarding issuance of airport security permit/license, it is necessary to specifically demonstrate the reason for the request; time, location and cause of the permit/license loss (if the request for re-issuance is due to the loss of permit/license).

- Regarding the request for issuance of airport security permit/license with short-term use, the requesting organization may use other forms of letter as long as the letter contains: full name, phone number, email address of the designated person to liaise with the receiving organization.

(3) Ghi rõ đề nghị cấp mới hoặc cấp lại thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không.

Specify whether the application is for the initial issuance or re-issuance of airport security permit/license.

Mẫu số 02. Công văn đề nghị cấp giấy phép, năng định chuyên môn cán bộ, chiến sĩ, nhân viên kiểm soát an ninh hàng không

Tên đơn vị đề nghị...	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../..... V/v.....	..., ngày... tháng... năm...

Kính gửi: (tên cơ quan/đơn vị nhận công văn)

Căn cứ các quy định pháp luật liên quan đến việc (tóm tắt nội dung đề nghị: cấp Giấy phép, năng định chuyên môn cán bộ, chiến sĩ, nhân viên kiểm soát an ninh hàng không)....., (tên cơ quan/đơn vị đề nghị)..... giải trình và đề nghị như sau:

1. Nội dung giải trình: ……

2. Nội dung đề nghị: ……

3. Địa chỉ, số điện thoại, fax của cơ quan, đơn vị; thư điện tử, người được giao nhiệm vụ để giải trình, làm việc với cơ quan, đơn vị nhận công văn.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận: - Như trên; -...; - Lưu...	**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ** (Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: nếu công văn có từ 02 tờ trở lên phải đóng dấu giáp lai.

Mẫu số 03. Tờ khai cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng dài hạn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

Ảnh màu Color photo 04cm x 06cm (dấu giáp lai đóng kèm) (the joint-page-seal attached)

…, ngày … tháng … năm …
…, date … month … year …

Kính gửi: … … … …… … … …… … … …
To: … … … …… … … …… … … …

TỜ KHAI CẤP THẺ KIỂM SOÁT AN NINH
CẢNG HÀNG KHÔNG CÓ GIÁ TRỊ SỬ DỤNG DÀI HẠN
(APPLICATION FOR AIRPORT SECURITY PERMIT
WITH LONG-TERM USE)

Số: … … …[1]

No: … … …

1. Họ và tên *(Full Name)*: …… 2. Giới tính (*Gender)*:……...
3. Ngày, tháng, năm sinh *(Date of birth)*: …/…/… 4. Dân tộc *(Ethnic group)*:……
5. Quê quán *(Hometown)*: …… 6. Tôn giáo *(Religion)*: ……....
7. Quốc tịch *(Nationality)*: …….
8. Chức vụ *(Position)*: …… 9. Điện thoại liên lạc *(Tel)*:……...
10. Chỗ ở hiện nay *(Present address)*:……
11. Số Căn cước/CCCD *(National ID card)*/ Hộ chiếu (*Passport No)*:……
12. Ngày cấp *(Date of issue)*: …… Nơi cấp *(Place of issue)*:……
13. Tên, địa chỉ cơ quan, đơn vị hiện đang công tác *(Working place)*:…….....
14. Thời hạn làm việc *(Length of work)*:
14.1. Biên chế nhà nước *(Permanent term)* ☐
14.2. Hợp đồng không xác định thời hạn *(Indefinite-term contract*) ☐
14.3. Hợp đồng xác định thời hạn *(Definite-term contract)* ☐
Thời hạn từ ngày … tháng … năm … đến ngày … tháng … năm …
Contract from date ... month ... year ... to date ... month ... year ...
14.4. Hợp đồng mùa vụ, công việc *(Seasonal Contract)* ☐

[1] Số tờ khai do đơn vị cấp thẻ ghi (for official use only).

Thời hạn từ ngày … tháng … năm … đến ngày … tháng … năm …

Contract from date ... month ... year ... to date ... month ... year ...

15. Tóm tắt lịch sử bản thân 5 năm trở lại đây (*Brief personal background for the last five years*):

Thời gian *(Time)*	Đơn vị công tác *(Working place)*	Chức vụ, công việc *(Positions and duties)*

16. Kỷ luật *(Discipline)*: … … … … … … … …… … … …… … … …… …

17. Tiền án, tiền sự *(Previous convictions)*: … … … …… … … …… … …

18. Số thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không đã cấp (nếu có)/*Airport Security permit number (if any)*: … … … …… … … …… … … …… … … …… … …

19. Mô tả nhiệm vụ tại khu vực hạn chế tại cảng hàng không *(Description of activities and duties at the airport/aerodrome restricted areas)*:

19 .1. Mức độ công việc tại khu vực hạn chế (*Frequency of activities in restricted areas*):

- Thường xuyên *(Regular)* ☐
- Không thường xuyên *(Irregular)* ☐

19.2. Công việc làm trong khu vực hạn chế (*Activities in restricted areas*)

Phục vụ hành khách, hành lý, hàng hóa *(Passenger, baggage and cargo handling)*	☐
Sửa chữa, bảo dưỡng, vệ sinh tàu bay *(Aircraft maintenance, repair and cleaning)*	☐
Cung ứng suất ăn, nhiên liệu… cho tàu bay *(Aircraft catering, refueling…)*	☐
Tuần tra, canh gác, kiểm soát an ninh tại cảng hàng không *(Aviation security patrol, guard and control at the airport)*	☐
Kiểm tra, giám sát an ninh, an toàn, khai thác tại cảng hàng không (*Security, safety and operation inspection, monitoring and supervision at the airport*)	☐
Bảo dưỡng trang thiết bị của cảng hàng không (*Airport equipment maintenance)*	☐
Kinh doanh, phục vụ trong nhà ga *(Providing business and services at the terminal)*	☐
Làm các công việc khác phục vụ chuyến bay *(Providing other services for flights)*	☐
Phục vụ chuyên cơ *(VVIP flights)*	☐
Làm thủ tục visa cho khách du lịch *(Assisting visa for tourists)*	☐
Đón, tiễn khách của cơ quan, đơn vị	☐

(Welcoming and seeing off organization's visitors)	
Công tác nghiệp vụ của công an, quân đội, hải quan *(Performing duties of the public security, army and customs)*	☐
Công tác nghiệp vụ của cơ quan chức năng khác *(Performing duties of competent authorities)*	☐
Sửa chữa, xây dựng công trình trong nhà ga *(Terminal facilities construction and repair)*	☐
Sửa chữa, xây dựng công trình trong cảng hàng không *(Airport facilities construction and repair)*	☐
Công việc khác (*Other activities*)	☐

19.3. Mô tả chi tiết công việc đã đánh dấu tại mục 19.2 trên *(Detailed description of the activities selected at sub-paragraph 19.2 above)*: ……
……..

19.4. Đề nghị được cấp vào khu vực nào (*Which area(s) do you apply for?*):

Khu vực từ điểm kiểm tra an ninh hàng không đối với hành khách đến cửa làm thủ tục lên tàu bay (khu vực cách ly) (*Area from the passenger security check point to the boarding gate (sterile area*)	☐
Khu vực sân đỗ tàu bay (*Aircraft parking area*)	☐
Khu vực đường hạ cất cánh, đường lăn (*Runways and taxiways*)	☐
Khu vực phân loại, chất xếp hành lý ký gửi đưa lên tàu bay (*Baggage sorting and loading area*)	☐
Khu vực quá cảnh, nối chuyến (*Transit/transfer area*)	☐
Khu vực phân loại, chất xếp hàng hóa bưu gửi đưa lên tàu bay (*Cargo and mail sorting and loading area*)	☐
Khu vực nhà khách phục vụ chuyến bay chuyên cơ (*VVIP Flight Lounges*)	☐
Khu vực nhận hành lý ký gửi tại ga đến (*Baggage reclaim area at Arrival Terminal*)	☐
Khu vực làm thủ tục cho hành khách đi tàu bay (*Passenger check-in area*)	☐
Khu vực tiếp nhận, lưu giữ hàng hóa, bưu gửi (*Cargo and mail accepting and holding area*)	☐
Trạm cấp điện, nước của cảng hàng không (*Airport/aerodrome water and electricity supply area*)	☐
Các khu vực khác (*Other areas*)	☐

19.5. Đề nghị cấp thẻ vào những cảng hàng không nào *Which airports do you apply for? (Specify the name of each airport)*:

Nội Bài	☐	Điện Biên	☐	Cát Bi	☐	Thọ Xuân	☐
Vinh	☐	Đồng Hới	☐	Đà Nẵng	☐	Phú Bài	☐
Chu Lai	☐	Pleiku	☐	Phù Cát	☐	Tuy Hoà	☐
Cam Ranh	☐	Buôn Ma Thuột	☐	Liên Khương	☐	Côn Sơn	☐
Cần Thơ	☐	Rạch Giá	☐	Cà Mau	☐	Phú Quốc	☐
Tân Sơn Nhất	☐	Long Thành	☐	Gia Bình	☐	Vân Đồn	☐

……	☐						

20. Cam kết của người đề nghị cấp thẻ (*Applicant's declaration*):

20.1. Những lời khai trên đây của tôi là đúng sự thật, nếu sai tôi sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm và chịu mọi hình thức xử lý. *(I hereby declare that the above statements are true; otherwise, I would take full responsibility and bear all forms of punishment).*

20.2. Tôi đã đọc và hiểu rõ các quy định về sử dụng thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng dài hạn. Khi được cấp thẻ, tôi cam kết tuân thủ các quy định và chịu những hình thức xử phạt nếu vi phạm *(I have read and understood the regulations on the use of aviation security permit. During the use of airport security permit, I am committed to complying with the provisions and subject to sanctions for violations).*

Người khai ký và ghi rõ họ tên
(Signature and full name of applicant)

21. Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị người xin cấp thẻ. *(Certified by the Head of the Applicant's Organization/Unit).*

21.1. Tôi xác nhận Ông, bà: … … … … …là người của cơ quan, đơn vị có nhiệm vụ đúng như mô tả tại mục 19. *(I hereby certify that Mr./Mrs ... ... is our personnel who is assigned with the duties as described at paragraph 19 above).*

21.2. Tôi xác nhận đơn vị đã kiểm tra án tích tại cơ quan tư pháp, ông (bà) … … … … … không có án tích; các mục từ 01 đến 20 khai là đúng sự thật. *(I confirm that the Applicant's criminal record has been verified at the Justice Agency and that Mr/Mrs ... ... has no previous convictions or offences; Statements in paragraphs from 01 to 20 are true and correct.*

Không yêu cầu doanh nghiệp phải xác nhận thông tin này khi Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính đã khai thác, sử dụng được thông tin lý lịch tư pháp trong Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp.

No requirement shall be imposed on organization/unit to certify or confirm information when the competent Authority can extract, use information of criminal record in Criminal Record Database.

21.3. Tôi xác nhận tất cả các nội dung trong bản khai này của ông (bà) … … … là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm và chịu xử phạt theo quy định *(I certify that all information provided in this application are true and correct, otherwise I would take full responsibility.)*

Ngày … tháng … năm…
(MM/DD/YY)
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(HEAD OF ORGANIZATION/UNIT)
(Ký tên, đóng dấu)
(Signature and seal)

Ghi chú:
(*Note:*)

- Bản khai phải ghi đầy đủ tất cả các nội dung được yêu cầu trong 21 mục; nếu ghi không đầy

đủ sẽ là Bản khai không hợp lệ và không được xem xét để cấp thẻ (*All fields in paragraph 21 must be filled, otherwise the application will be rejected*).

- Mục 21.2 chỉ áp dụng đối với các đối tượng quy định tại điểm a, b và c khoản 1 Điều 6 của Thông tư này đến khi Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính khai thác, sử dụng được thông tin lý lịch tư pháp trong Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp.

(*Only subjects specified at points a, b and c in clause 1, Article 6 of this Circular subjected to provisions at paragraph 21.2 for the new issuance or re-issuance under the regulations of point d clause 5 Appendix I of this Circular of airport security permits till the competent Authority extract, use information of criminal record in Criminal Record Database*).

- Trường hợp có sự thay đổi về số lượng cảng hàng không thì Cục trưởng Cục Quản lý xuất nhập cảnh sửa đổi, bổ sung tên cảng hàng không vào mục 19.5 của mẫu Tờ khai.

(In the event of a change in the number of airports, the General Director of the Immigration Department shall amend and supplement the names of the airports in paragraph 19.5 of the Declaration Form).

Mẫu số 04. Danh sách trích ngang cán bộ, nhân viên cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng dài hạn

---

Đơn vị……. **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày .... tháng .... năm .....

DANH SÁCH TRÍCH NGANG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN
CẤP THẺ KIỂM SOÁT AN NINH CẢNG HÀNG KHÔNG
tháng… năm… của cơ quan/đơn vị đề nghị……)

Kính gửi: …….. ……

Số TT	Họ và tên	Chức vụ	Đơn vị	*Số CC/CCCD/Hộ chiếu*	Số thẻ đã cấp(nếu có)	Thời hạn đề nghị cấp	Khu vực đề nghị cấp (2)						Ghi chú
							1	2	3	4	5	6	

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(ký tên, đóng dấu)

(1) Nếu danh sách có từ 02 tờ trở lên phải đóng dấu giáp lai.
(2) Đánh dấu "x" vào khu vực đề nghị.

Mẫu số 05. Danh sách đề nghị cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng ngắn hạn

---

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ CẤP THẺ KIỂM SOÁT AN NINH CẢNG HÀNG KHÔNG CÓ GIÁ TRỊ SỬ DỤNG NGẮN HẠN (1)

(Kèm công văn số .... ngày... tháng... năm... của cơ quan/đơn vị đề nghị……)

STT	Họ và tên	Giới tính	Số giấy tờ tùy thân (2)	Ngày, tháng, năm sinh	Chức vụ	Khu vực hạn chế hoạt động	Hạn sử dụng của thẻ kiểm soát an ninh	Ghi chú
1								
2								
3								
…..								
…..								
….								
…..								
TỔNG CỘNG								

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

(1) Nếu danh sách có từ 02 trang trở lên phải đóng dấu giáp lai.

(2) Căn cước công dân hoặc căn cước hoặc chứng minh thư ngoại giao hoặc chứng minh thư lãnh sự hoặc chứng minh thư công vụ hoặc chứng minh thư phổ thông hoặc hộ chiếu hoặc thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng dài hạn.

Mẫu số 06. Danh sách phương tiện đề nghị cấp giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng dài hạn/ngắn hạn

---

ĐƠN VỊ …….
Số: ……..

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

….., ngày… tháng … năm …

DANH SÁCH PHƯƠNG TIỆN

(Kèm theo công văn số .../... ngày ...tháng ... năm ... của (tên cơ quan/ đơn vị đề nghị...)

STT	Tên phương tiện	Biển kiểm soát (1)/Phương án nhận dạng (2)/Số khung, số máy	Thời hạn cấp	Khu vực đề nghị	Cổng vào	Cổng ra

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:
(1) Biển kiểm soát phương tiện giao thông đường bộ/biển kiểm soát của phương tiện chuyên ngành hoạt động tại cảng hàng không.
(2) Theo phương án nhận dạng và kiểm soát phương tiện tại Phương án bảo đảm an ninh, an toàn hàng không trong quá trình thi công được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Nếu danh sách phương tiện có từ 02 trang trở lên phải đóng dấu giáp lai.

Mẫu số 07. Thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng dài hạn

1. Chất liệu: thẻ bằng nhựa PET màu trắng, kích thước thẻ 53.98 mm x 85.6 mm.

2. Hình ảnh mặt trước: Phía trên là dải màu xanh, phần chữ cơ quan cấp thẻ màu trắng; phần giữa là vân nền màu vàng cam. Phía dưới có mã BE Code chứa khuôn mặt đã mã hóa cho phép so khớp nhận diện người có thẻ bằng thiết bị. Phần dưới là vân nền màu vàng cam, logo Cục Quản lý xuất nhập cảnh in chìm; phần giữa có in các thông tin cá thể hóa.

3. Hình ảnh mặt sau: Nền màu trắng, phần chữ Quy định sử dụng thẻ màu đen.

4. Mẫu thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không dài hạn:

a) Cấp tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh:

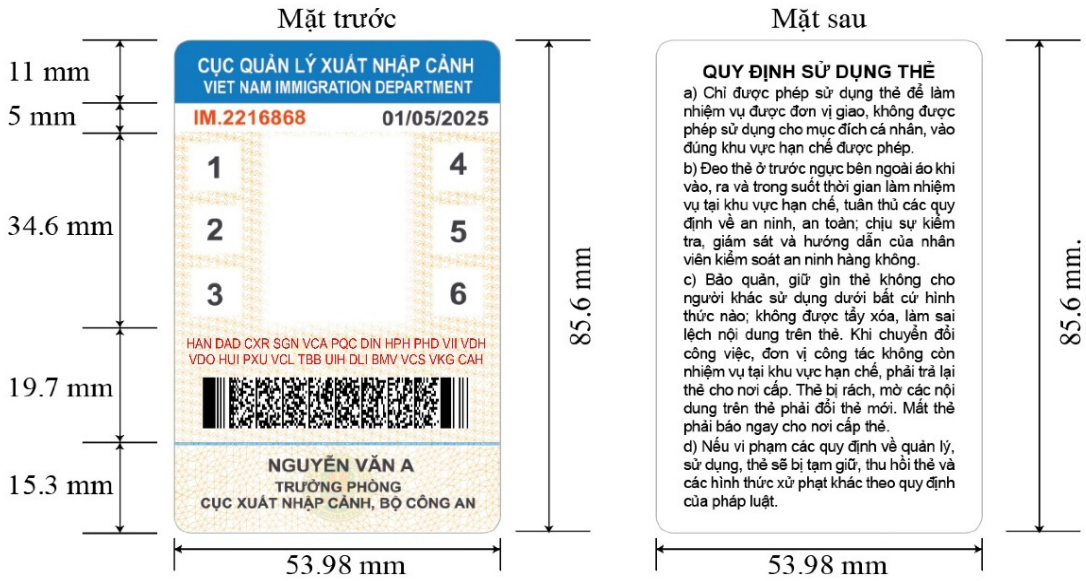

b) Cấp tại Cảng hàng không quốc tế thuộc Cục Quản lý xuất nhập cảnh:

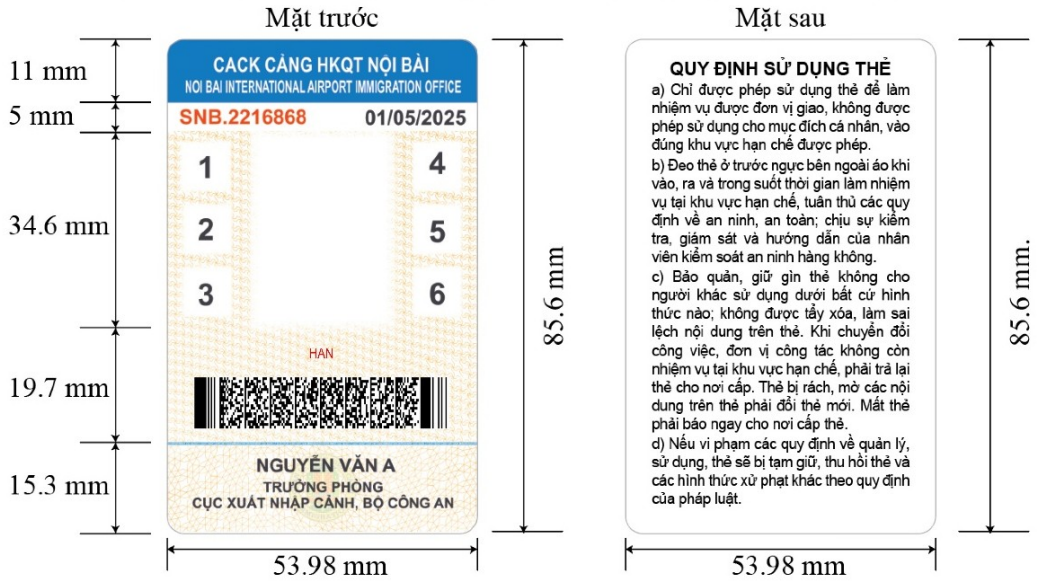

c) Cấp tại Công an cấp tỉnh:

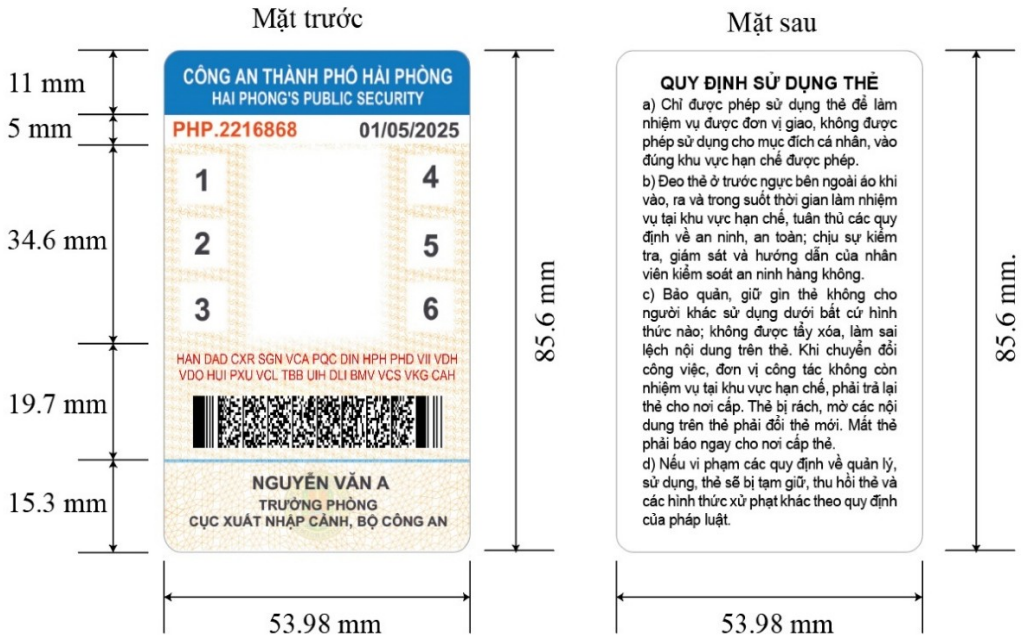

5. Mẫu thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không dài hạn (phục vụ chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang) - số 1, số 4 màu đỏ:

Mẫu số 08. Thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng ngắn hạn

1. Chất liệu: thẻ bằng giấy cứng, kích thước thẻ 85 mm x 95 mm.

2. Hình ảnh mặt trước: Phía trên dải màu hồng; Phần giữa là vân nền màu vàng cam. Phía trên có logo Cục Quản lý xuất nhập cảnh in chìm. Phần giữa in các thông tin cá thể hóa bằng chữ màu đen, đỏ. Phía dưới dải màu hồng có mã BE Code chứa khuôn mặt đã mã hóa cho phép so khớp nhận diện người có thẻ bằng thiết bị.

3. Hình ảnh mặt sau: Phía trên dải màu hồng; Phần giữa là vân nền màu vàng cam. Phía trên có logo Cục Quản lý xuất nhập cảnh in chìm. Phần chữ Quy định sử dụng thẻ màu đen.

4. Mẫu thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không ngắn hạn:

a) Cấp tại Cảng hàng không quốc tế thuộc Cục Quản lý xuất nhập cảnh:

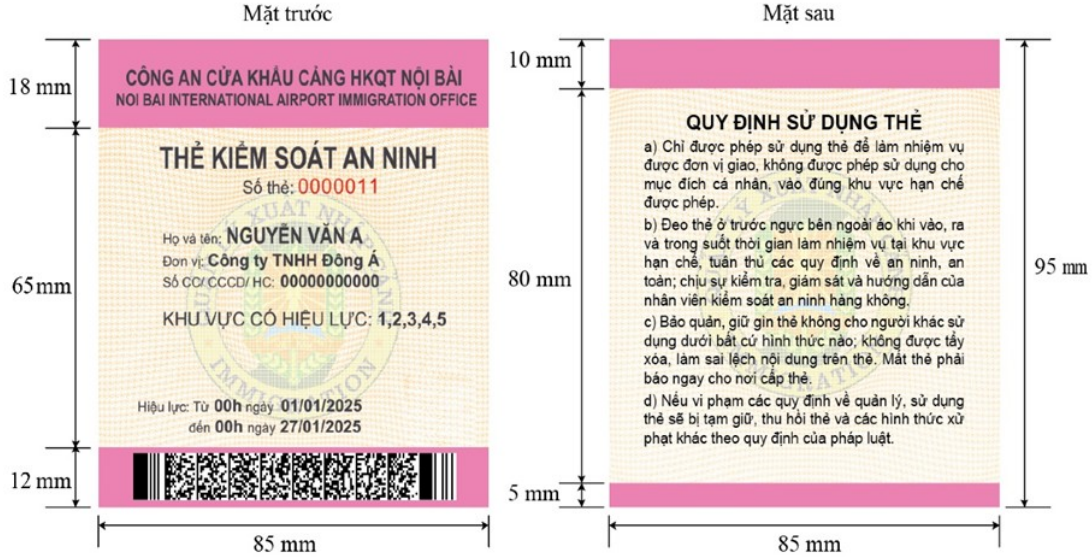

b) Cấp tại Công an cấp tỉnh:

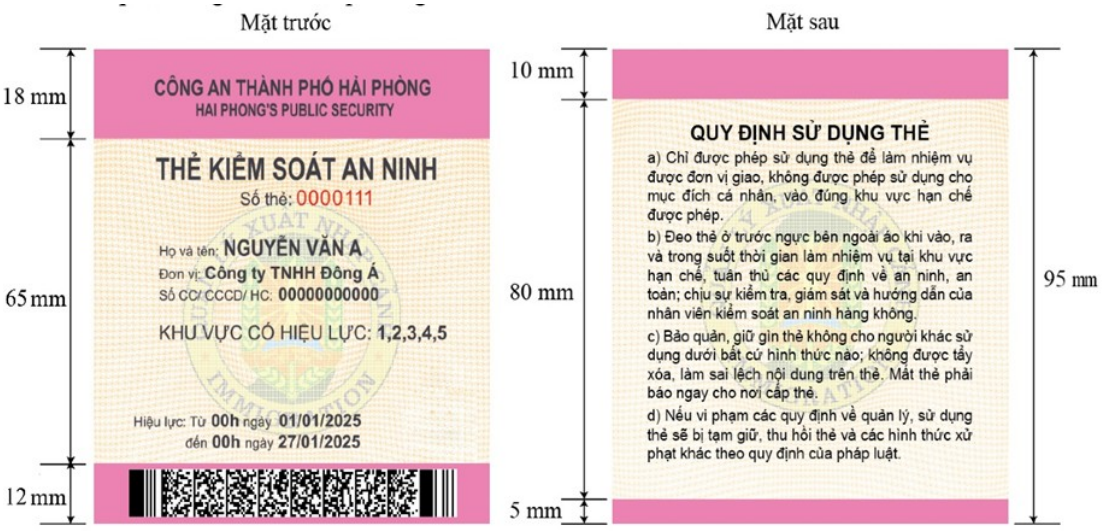

5. Mẫu thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không ngắn hạn (phục vụ chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang) - số 1 và số 4 đóng khung, chữ A lớn bên trên góc trái:

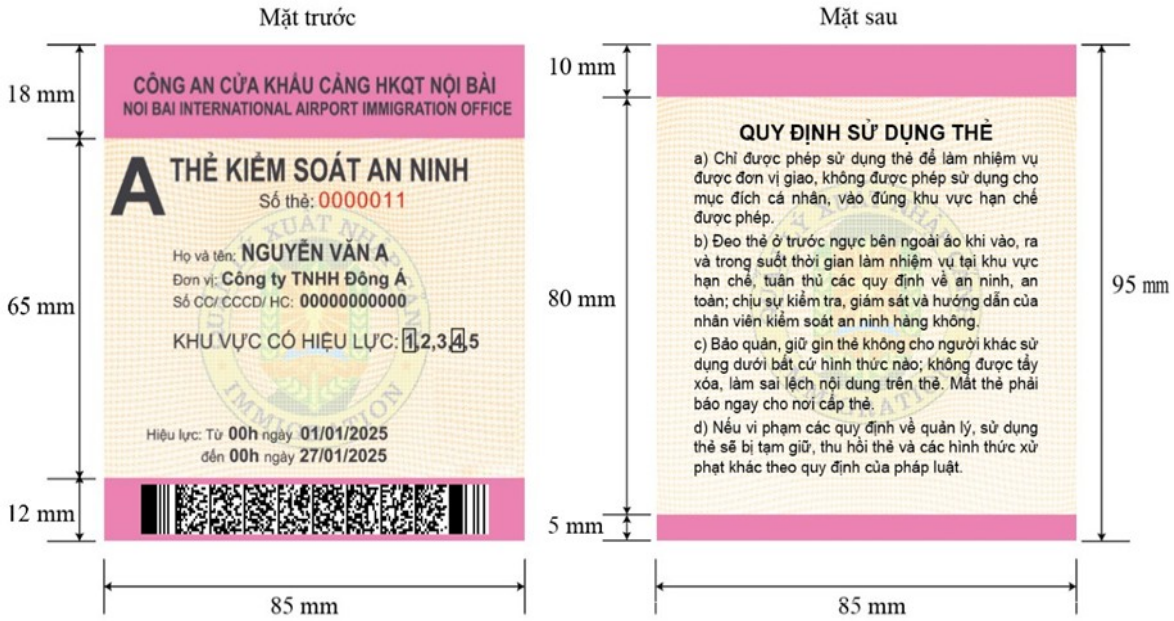

Mẫu số 09. Giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng dài hạn

---

1. Chất liệu: Giấy phép được làm bằng giấy cứng, kích thước giấy phép 165 mm x 120 mm.

2. Hình ảnh mặt trước: Phía trên dải màu hồng; Phần giữa phía bên dưới nền là hình trống đồng màu vàng cam. Phía trên có logo Cục Quản lý xuất nhập cảnh in chìm. Phần giữa in các thông tin cá thể hóa bằng chữ màu đen, đỏ. Phía dưới dải màu hồng có mã BE Code chứa thông tin kèm chữ ký số cho phép kiểm tra giấy phép bằng thiết bị.

3. Hình ảnh mặt sau: Nền như mặt trước, phần chữ Quy định sử dụng giấy phép màu đen.

4. Mẫu giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không dài hạn:

a) Cấp tại Cảng hàng không quốc tế thuộc Cục Quản lý xuất nhập cảnh.

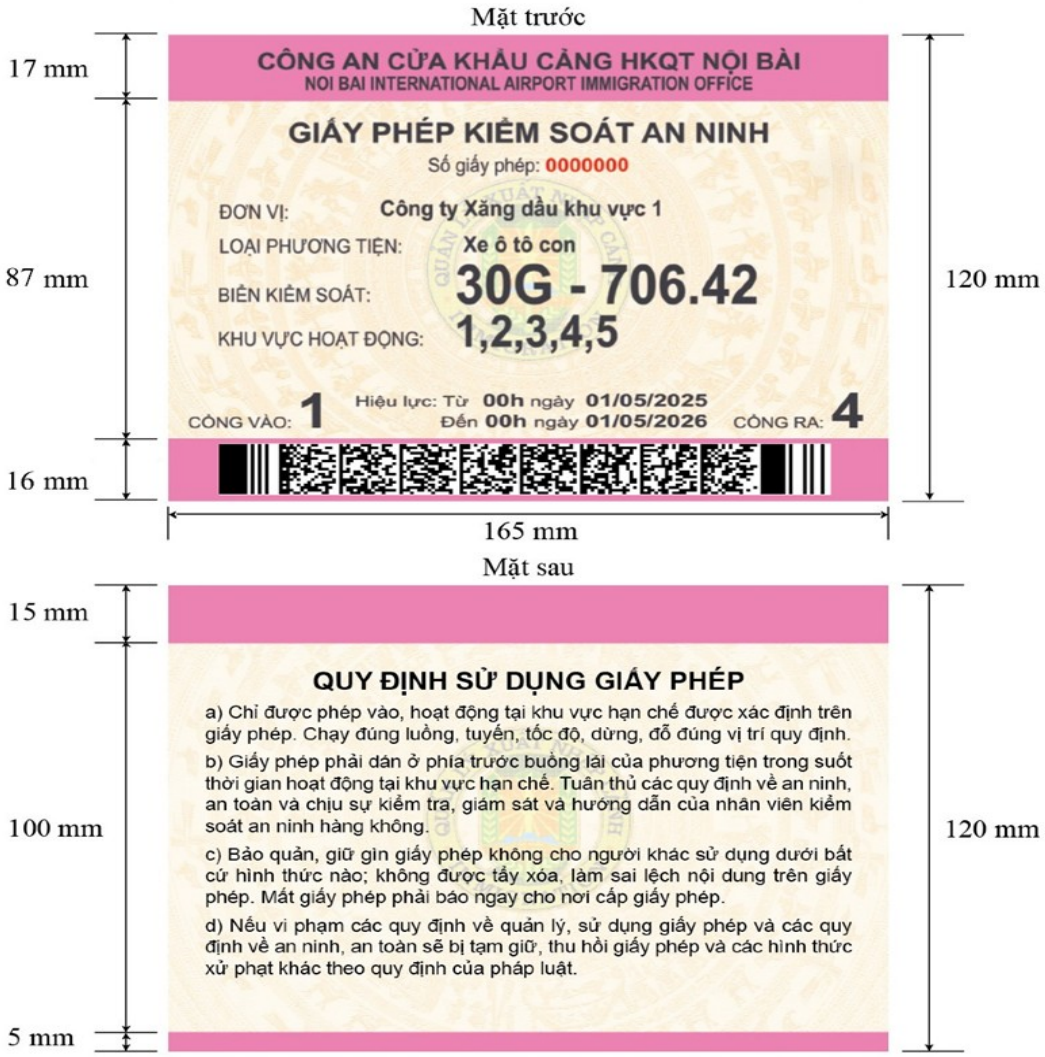

b) Cấp tại Công an cấp tỉnh:

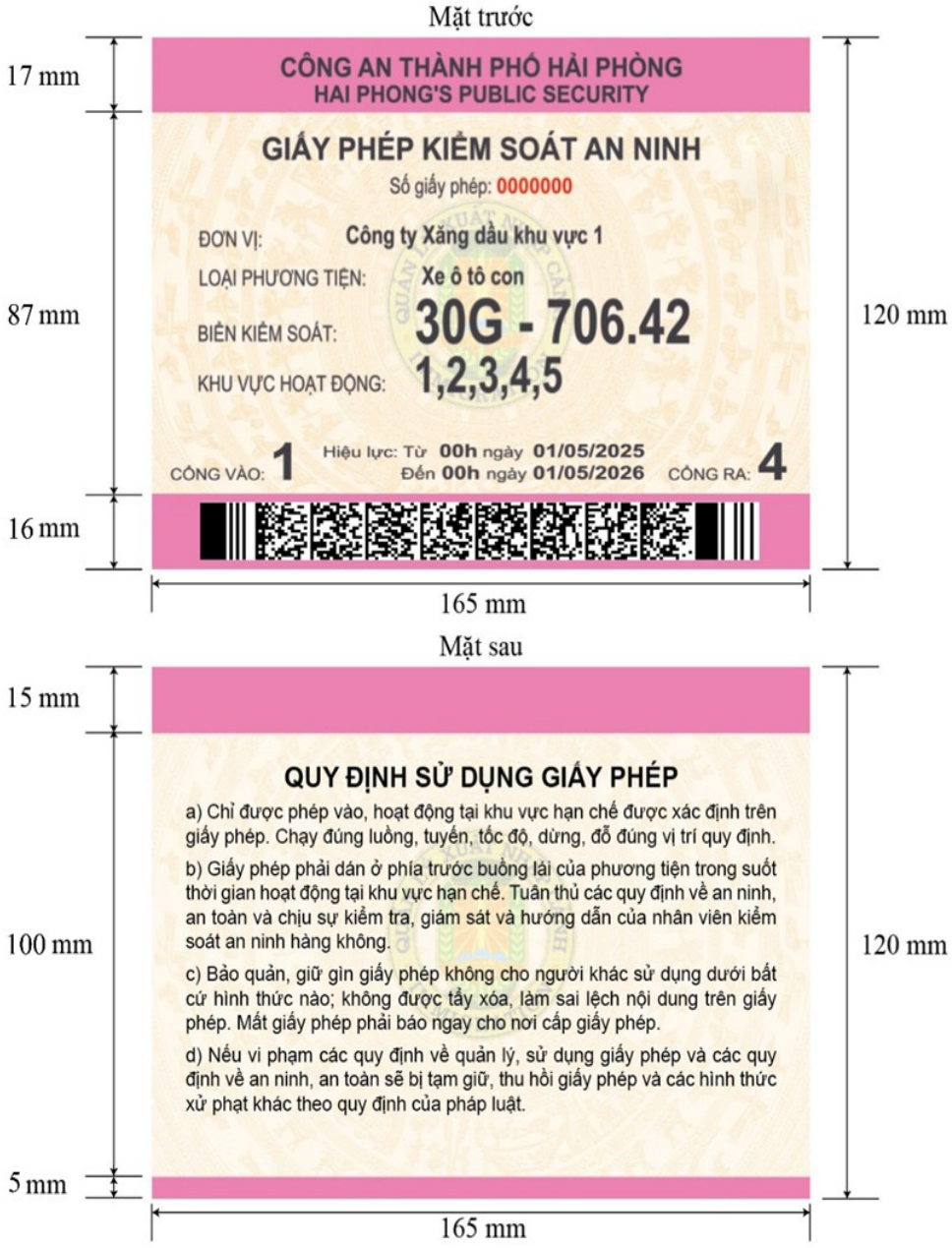

5. Mẫu giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không dài hạn (phục vụ chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang) - số 1 và số 4 đóng khung, chữ A lớn bên trên góc trái:

Mặt trước

Mặt sau

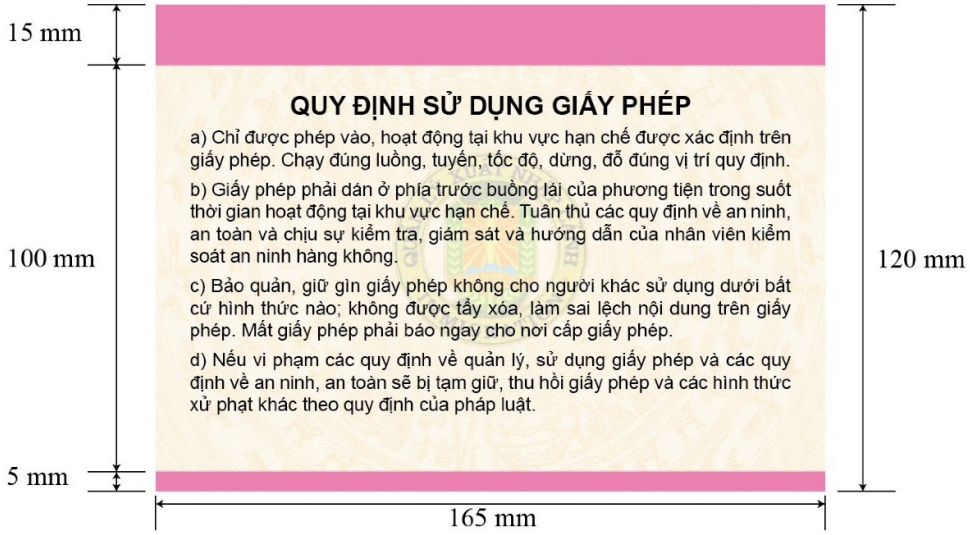

Mẫu số 10. Giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng ngắn hạn

1. Chất liệu: Giấy phép được làm bằng giấy cứng, kích thước giấy phép 165 mm x 120 mm.

2. Hình ảnh mặt trước: Phía trên dải màu xanh; Phần giữa là vân nền màu vàng cam. Phía trên có logo Cục Quản lý xuất nhập cảnh in chìm; Phần giữa in các thông tin cá thể hóa bằng chữ màu đen, đỏ. Phía dưới dải màu hồng có mã BE Code chứa thông tin kèm chữ ký số cho phép kiểm tra giấy phép bằng thiết bị.

3. Hình ảnh mặt sau: Nền như mặt trước, phần chữ Quy định sử dụng giấy phép màu đen.

4. Mẫu giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không ngắn hạn:

a) Cấp tại Cảng hàng không quốc tế thuộc Cục Quản lý xuất nhập cảnh.

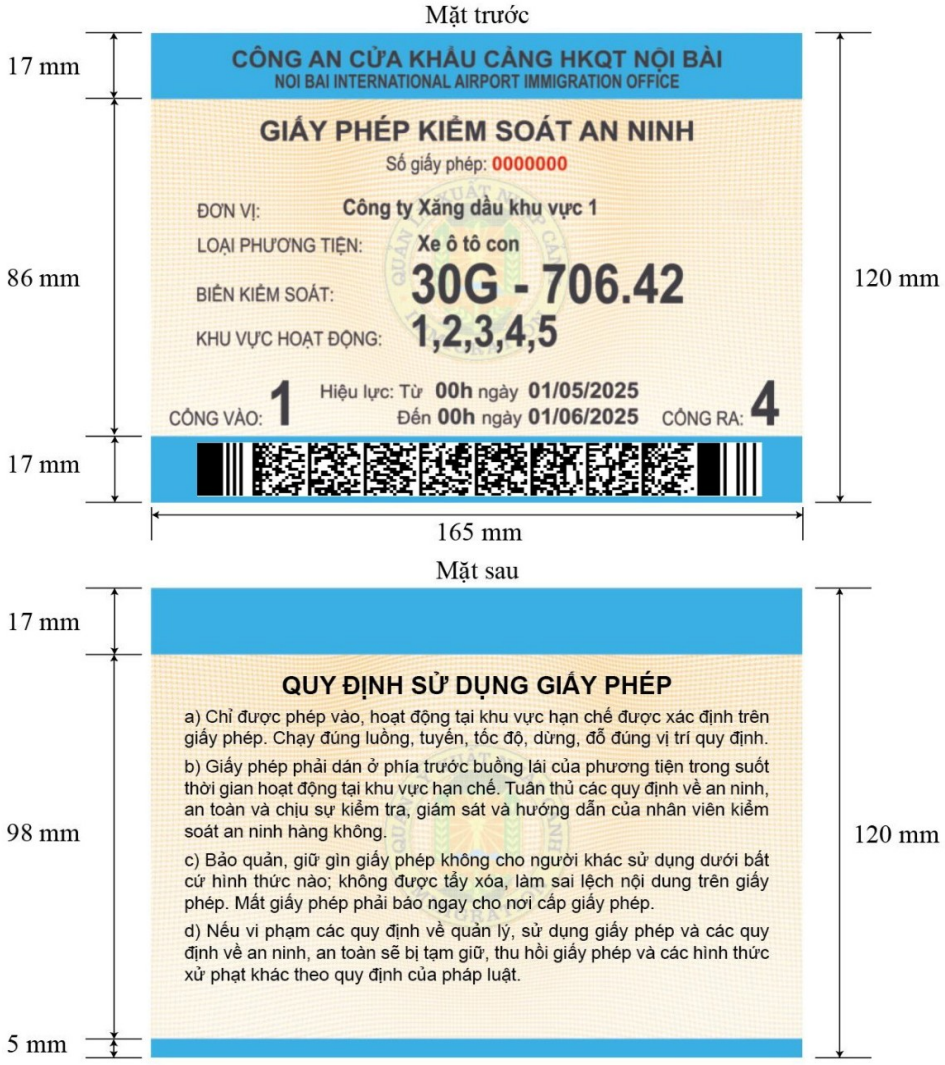

b) Cấp tại Công an cấp tỉnh:

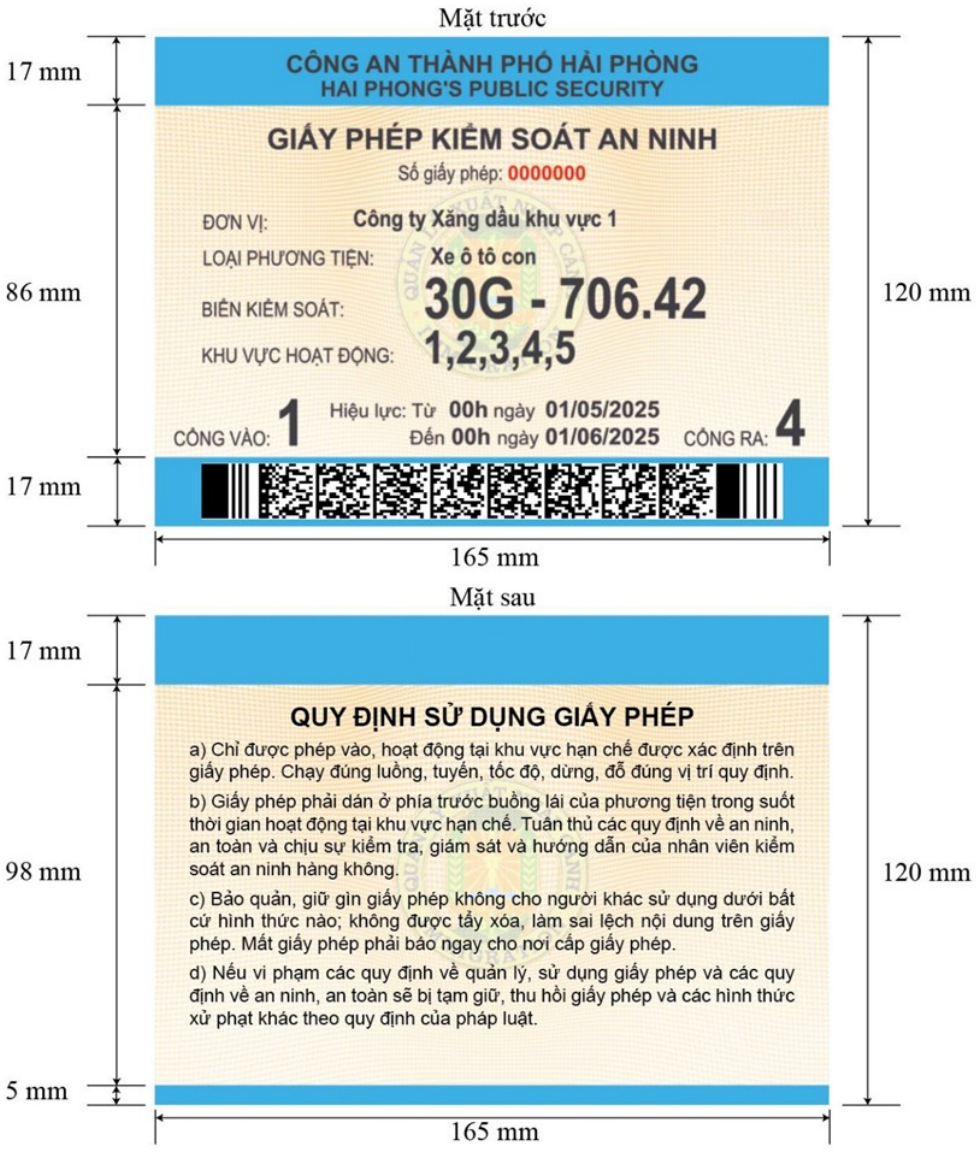

5. Mẫu giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không ngắn hạn (phục vụ chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang) - số 1 và số 4 đóng khung, chữ A lớn bên trên góc trái:

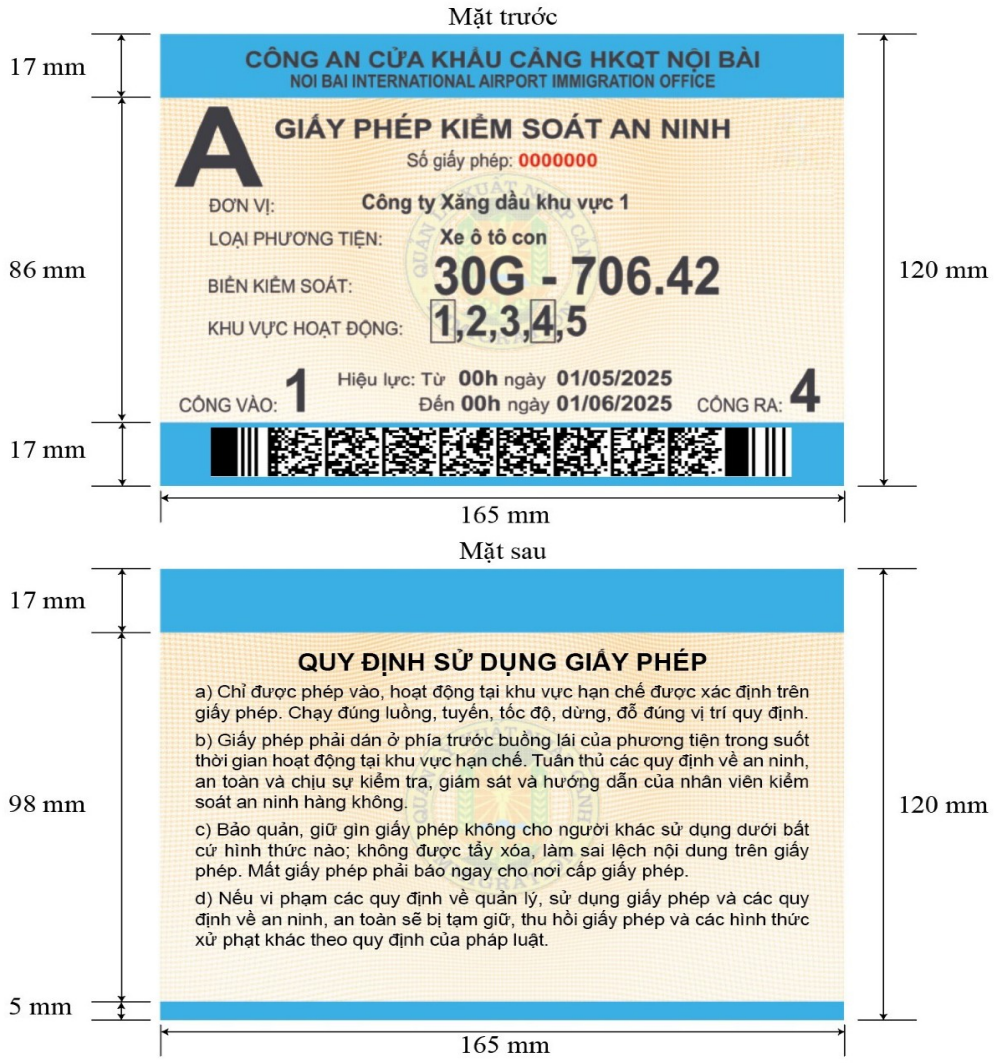

Mẫu số 11. Thẻ giám sát viên an ninh hàng không

1. Chất liệu: thẻ bằng nhựa PET màu trắng, kích thước thẻ 53.98 mm x 85.6 mm.
2. Hình ảnh mặt trước:
- Phía trên là dải màu xanh, phần chữ cơ quan cấp thẻ màu trắng;
- Phần dưới là vân nền màu vàng cam, logo Cục Quản lý xuất nhập cảnh in chìm, vạch đỏ chéo, có in các thông tin cá thể hóa.
- Dưới ảnh có phần để in QR code.

3. Hình ảnh mặt sau: Nền màu trắng, phần chữ Quyền hạn của người sử dụng thẻ in màu đen.

Mặt trước

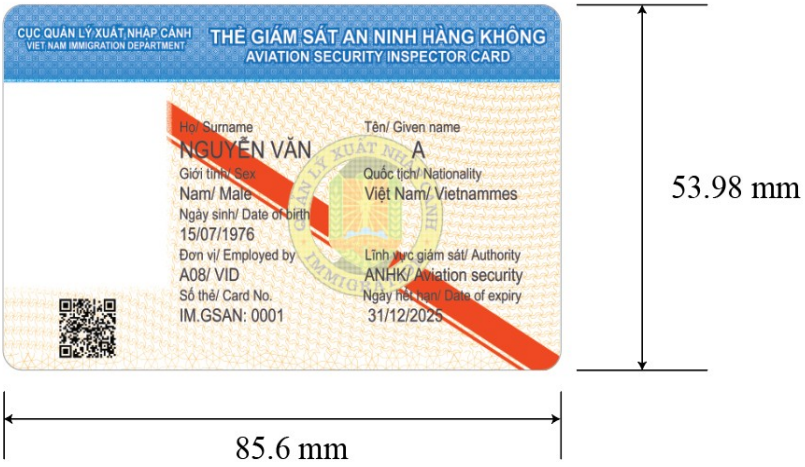

Mặt sau

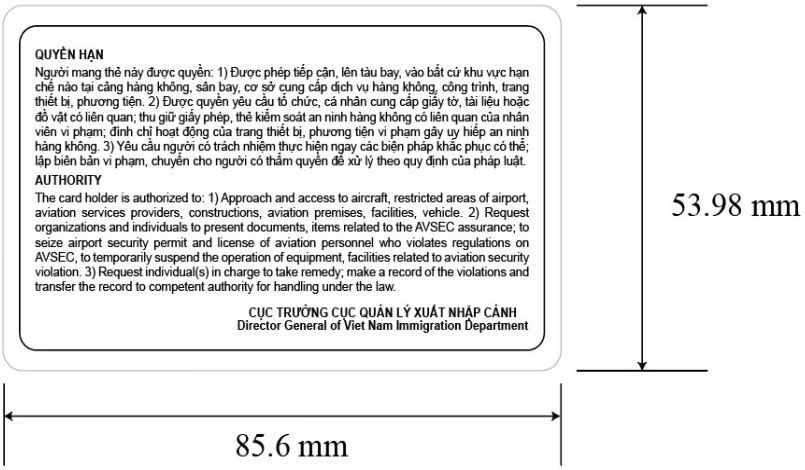

Mẫu số 12. Giấy phép thực hiện nhiệm vụ kiểm soát an ninh hàng không

1. Chất liệu: thẻ bằng nhựa PET màu trắng, kích thước thẻ 53.98 mm x 85.6 mm.

2. Hình ảnh mặt trước:

- Phía trên là dải màu xanh, phần chữ cơ quan cấp thẻ màu trắng;
- Phần dưới là vân nền màu vàng cam, logo Cục Quản lý xuất nhập cảnh in chìm, tên giấy phép màu đỏ, các thông tin cá thể hóa màu đen;
- Dưới ảnh có phần để in QR code.

3. Hình ảnh mặt sau: Nền màu trắng, phần chữ Quy định sử dụng giấy phép in màu đen.

Mặt trước

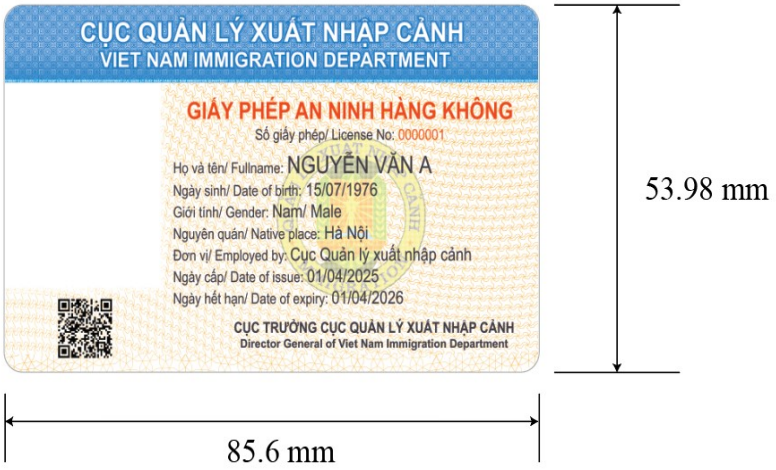

Mặt sau

PHỤ LỤC II
THÔNG TIN CƠ BẢN TRONG THẺ, GIẤY PHÉP KIỂM SOÁT AN NINH CẢNG HÀNG KHÔNG CÓ GIÁ TRỊ SỬ DỤNG DÀI HẠN, NGẮN HẠN
(*Kèm theo Thông tư số 115/2026/TT-BCA ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công an*)

1. Tên cơ quan, đơn vị cấp thẻ:

- Thẻ cấp tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh:

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

VIET NAM IMMIGRATION DEPARTMENT

- Thẻ cấp tại Công an cửa khẩu thuộc Cục Quản lý xuất nhập cảnh:

CÔNG AN CỬA KHẨU CẢNG HKQT

INTERNATIONAL AIRPORT IMMIGRATION OFFICE

- Thẻ cấp tại Công an cấp tỉnh:

"CÔNG AN TỈNH/THÀNH PHỐ…"

……'S PUBLIC SECURITY

2. Ký hiệu đơn vị cấp thẻ:

STT	TÊN ĐƠN VỊ	KÝ HIỆU ĐƠN VỊ CẤP THẺ
1	Cục Quản lý xuất nhập cảnh	IM
2	Công an cửa khẩu CHKQT Nội Bài	SNB
3	Công an cửa khẩu CHKQT Đà Nẵng	SDN
4	Công an cửa khẩu CHKQT Cam Ranh	SCR
5	Công an cửa khẩu CHKQT Tân Sơn Nhất	STS
6	Công an cửa khẩu CHKQT Phú Quốc	SPQ
7	Công an tỉnh Điện Biên	PDB
8	Công an tỉnh Quảng Ninh	PQN
9	Công an TP Hải Phòng	PHP
10	Công an tỉnh Thanh Hóa	PTH
11	Công an tỉnh Nghệ An	PNA
12	Công an tỉnh Quảng Trị	PQT
13	Công an TP Huế	PHU
14	Công an tỉnh Gia Lai	PGL

15	Công an TP Đà Nẵng	PĐN
16	Công an tỉnh Lâm Đồng	PLD
17	Công an tỉnh Đắk Lắk	PDL
18	Công an TP Cần Thơ	PCT
19	Công an TP Hồ Chí Minh	PHM
20	Công an tỉnh An Giang	PAG
21	Công an tỉnh Cà Mau	PCM
22	Ký hiệu đơn vị cấp thẻ mới thành lập hoặc thay đổi do tách, sáp nhập địa giới hành chính do Cục trưởng Cục Quản lý xuất nhập cảnh quy định.	

3. Số thẻ, giấy phép:

Số thẻ đối với thẻ PET gồm ký hiệu đơn vị cấp thẻ và dãy số bắt đầu bằng 0000001. Số thẻ, giấy phép là số sê-ri đối với các phối thẻ, giấy phép đã có sẵn số sê-ri.

4. Ký hiệu khu vực hạn chế:

- Số 1: khu vực sân đỗ tàu bay, đường hạ cất cánh, đường lăn và các khu vực khác trong sân bay;

Số 1 màu đỏ hoặc đóng khung được phép vào khu vực tàu bay chuyên cơ;

- Số 2: Khu vực hạn chế ga đi quốc tế bao gồm khu vực cách ly, các khu vực hạn chế khác của ga đi quốc tế;

- Số 3: Khu vực hạn chế ga đi nội địa bao gồm khu vực cách ly, các khu vực hạn chế khác của ga đi nội địa;

- Số 4: Khu vực nhà khách chuyên cơ trong những thời gian không có chuyến bay chuyên cơ;

Số 4 màu đỏ hoặc đóng khung phục vụ chuyến bay chuyên cơ;

- Số 5: Khu vực hạn chế ga đến nội địa, quốc tế (Khu vực băng chuyền hành lý và các khu vực hạn chế khác tại ga đến quốc nội, quốc tế);

- Số 6: Khu vực xử lý, phân loại hàng hóa, bưu gửi trong nhà ga hàng hóa.

5. Ký hiệu cảng hàng không được phép vào hoạt động: Ghi theo quy ước của IATA tên cảng hàng không.

6. Thời hạn hiệu lực của thẻ, giấy phép.

7. Họ và tên, chức vụ, tên cơ quan, đơn vị, ảnh chân dung của người được cấp thẻ đối với thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng dài hạn.

8. Họ và tên, đơn vị, số giấy tờ tùy thân của người được cấp thẻ đối với thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng ngắn hạn.

9. Loại phương tiện, biển kiểm soát phương tiện; tên cơ quan, đơn vị chủ quản của phương tiện, cổng ra, cổng vào đối với giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng dài hạn, ngắn hạn.

Phụ lục III
HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CẤP THẺ, GIẤY PHÉP KIỂM SOÁT AN NINH HÀNG KHÔNG

(*Kèm theo Thông tư số 115/2026/TT-BCA ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công an*)

1. Hồ sơ đề nghị cấp mới thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng dài hạn

(1) Bản chính hoặc bản điện tử văn bản đề nghị theo Mẫu số 01 Phụ lục I kèm theo Thông tư này, kèm theo danh sách trích ngang theo Mẫu số 04 Phụ lục I kèm theo Thông tư này;

(2) Tờ khai cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng dài hạn (trừ cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại các cơ quan quản lý nhà nước tại cảng hàng không) theo Mẫu số 03 Phụ lục I kèm theo Thông tư này có dán ảnh màu kích thước 04cm x 06cm, nếu là bản giấy phải đóng dấu giáp lai (ảnh chụp trên phông nền màu trắng, đầu và vai thẳng để khuôn mặt chiếm từ 70% đến 80% ảnh, không quá 06 tháng kể từ ngày chụp tính đến ngày nộp hồ sơ);

(3) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao do chính cơ quan, tổ chức đã lập bản chính sao y hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính hoặc bản điện tử tài liệu chứng minh tư cách pháp nhân, chức năng nhiệm vụ của doanh nghiệp, trừ trường hợp là doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không, phi hàng không tại cảng hàng không.

Không yêu cầu doanh nghiệp phải nộp thành phần hồ sơ này khi các cơ quan quản lý nhà nước đã hoàn thành việc kết nối, sử dụng được dữ liệu thông tin Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

(4) 01 ảnh màu chân dung (đối với trường hợp gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính) hoặc ảnh màu chân dung được số hóa (đối với trường hợp gửi trên môi trường điện tử).

2. Hồ sơ đề nghị cấp lại thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng dài hạn

a) Trường hợp cấp lại do thẻ hết thời hạn sử dụng:

(1) Bản chính hoặc bản điện tử văn bản đề nghị theo Mẫu số 01 Phụ lục I kèm theo Thông tư này, kèm theo danh sách trích ngang theo Mẫu số 04 Phụ lục I kèm theo Thông tư này;

(2) Tờ khai cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng dài hạn (trừ cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại các cơ quan quản lý nhà nước tại cảng hàng không) theo Mẫu số 03 Phụ lục I kèm theo Thông tư này, có dán ảnh màu kích thước 04cm x 06cm, nếu là bản giấy phải đóng dấu giáp lai (ảnh chụp trên phông nền màu trắng, đầu và vai thẳng để khuôn mặt

chiếm từ 70% đến 80% ảnh, không quá 06 tháng kể từ ngày chụp tính đến ngày nộp hồ sơ);

(3) 01 ảnh màu chân dung (đối với trường hợp gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính) hoặc ảnh màu chân dung được số hóa (đối với trường hợp gửi trên môi trường điện tử).

b) Trường hợp cấp lại do thẻ còn thời hạn sử dụng nhưng bị mờ, hỏng hoặc không còn dấu hiệu bảo mật:

(1) Bản chính hoặc bản điện tử văn bản đề nghị theo Mẫu số 01 Phụ lục I kèm theo Thông tư này, kèm theo danh sách trích ngang theo Mẫu số 04 Phụ lục I kèm theo Thông tư này;

(2) 01 ảnh màu chân dung (đối với trường hợp gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính) hoặc ảnh màu chân dung được số hóa (đối với trường hợp gửi trên môi trường điện tử).

(3) Nộp lại thẻ bị mờ, hỏng hoặc không còn dấu hiệu bảo mật.

c) Trường hợp cấp lại do bị mất thẻ:

(1) Bản chính hoặc bản điện tử văn bản đề nghị theo Mẫu số 01 Phụ lục I kèm theo Thông tư này, kèm theo danh sách trích ngang theo Mẫu số 04 Phụ lục I kèm theo Thông tư này;

(2) 01 ảnh màu chân dung (đối với trường hợp gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính) hoặc ảnh màu chân dung được số hóa (đối với trường hợp gửi trên môi trường điện tử);

(3) Văn bản giải trình của người đề nghị cấp về thời gian, địa điểm và nguyên nhân mất thẻ có xác nhận của thủ trưởng cơ quan, đơn vị.

d) Trường hợp cấp lại do thay đổi vị trí công tác khác không cùng cơ quan, đơn vị công tác cũ:

(1) Bản chính hoặc bản điện tử văn bản đề nghị theo tại Mẫu số 01 Phụ lục I kèm theo Thông tư này, kèm theo danh sách trích ngang theo Mẫu số 04 Phụ lục I kèm theo Thông tư này;

(2) Tờ khai cấp thẻ kiểm soát an ninh hàng không có giá trị sử dụng dài hạn theo Mẫu số 03 Phụ lục I kèm theo Thông tư này, có dán ảnh màu kích thước 04cm x 06cm, nếu là bản giấy phải đóng dấu giáp lai (ảnh chụp trên phông nền màu trắng, đầu và vai thẳng để khuôn mặt chiếm từ 70% đến 80% ảnh, không quá 06 tháng kể từ ngày chụp tính đến ngày nộp hồ sơ);

(3) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao do chính cơ quan, tổ chức đã lập bản chính sao y hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính hoặc bản điện tử tài liệu chứng minh tư cách pháp nhân, chức năng nhiệm vụ của doanh nghiệp, trừ trường hợp là doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không, phi hàng không tại cảng hàng không;

Không yêu cầu doanh nghiệp phải nộp thành phần hồ sơ này khi các cơ quan quản lý nhà nước đã hoàn thành việc kết nối, sử dụng được dữ liệu thông tin Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

(4) 01 ảnh màu chân dung (đối với trường hợp gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính) hoặc ảnh màu chân dung được số hóa (đối với trường hợp gửi trên môi trường điện tử).

đ) Trường hợp cấp lại do thay đổi vị trí công tác khác cùng cơ quan, đơn vị công tác cũ:

(1) Bản chính hoặc bản điện tử văn bản đề nghị theo Mẫu số 01 Phụ lục I kèm theo Thông tư này, kèm theo danh sách trích ngang theo Mẫu số 04 Phụ lục I kèm theo Thông tư này;

(2) Tờ khai cấp thẻ kiểm soát an ninh hàng không có giá trị sử dụng dài hạn theo Mẫu số 03 Phụ lục I kèm theo Thông tư này, có dán ảnh màu kích thước 04cm x 06cm, nếu là bản giấy phải đóng dấu giáp lai (ảnh chụp trên phông nền màu trắng, đầu và vai thẳng để khuôn mặt chiếm từ 70% đến 80% ảnh, không quá 06 tháng kể từ ngày chụp tính đến ngày nộp hồ sơ);

(3) 01 ảnh màu chân dung (đối với trường hợp gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính) hoặc ảnh màu chân dung được số hóa (đối với trường hợp gửi trên môi trường điện tử).

3. Hồ sơ cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng ngắn hạn

Bản chính hoặc bản điện tử văn bản đề nghị theo Mẫu số 01 Phụ lục I kèm theo Thông tư này, kèm theo danh sách trích ngang theo Mẫu số 05 Phụ lục I kèm theo Thông tư này.

4. Hồ sơ cấp mới Giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng dài hạn

Bản chính hoặc bản điện tử văn bản đề nghị theo Mẫu số 01 Phụ lục I kèm theo Thông tư này, kèm theo danh sách phương tiện đề nghị cấp giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không theo Mẫu số 06 Phụ lục I kèm theo Thông tư này.

5. Hồ sơ cấp lại Giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng dài hạn

a) Trường hợp cấp lại do giấy phép hết thời hạn sử dụng:

Bản chính hoặc bản điện tử văn bản đề nghị theo Mẫu số 01 Phụ lục I kèm theo Thông tư này, kèm theo danh sách phương tiện đề nghị cấp giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không theo Mẫu số 06 Phụ lục I kèm theo Thông tư này.

b) Trường hợp cấp lại do giấy phép còn thời hạn sử dụng nhưng bị mờ, hỏng hoặc không còn dấu hiệu bảo mật:

(1) Bản chính hoặc bản điện tử văn bản đề nghị theo Mẫu số 01 Phụ lục I kèm theo Thông tư này, kèm theo danh sách phương tiện đề nghị cấp giấy phép

kiểm soát an ninh cảng hàng không theo Mẫu số 06 Phụ lục I kèm theo Thông tư này;

(2) Nộp lại giấy phép bị mờ, hỏng hoặc không còn dấu hiệu bảo mật.

c) Trường hợp cấp lại do bị mất giấy phép:

(1) Bản chính hoặc bản điện tử văn bản đề nghị theo Mẫu số 01 Phụ lục I kèm theo Thông tư này, kèm theo danh sách phương tiện đề nghị cấp giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không theo Mẫu số 06 Phụ lục I kèm theo Thông tư này;

(2) Văn bản giải trình của người đề nghị cấp về thời gian, địa điểm và nguyên nhân mất giấy phép có xác nhận của thủ trưởng cơ quan, đơn vị.

6. Hồ sơ cấp Giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng ngắn hạn

Bản chính hoặc bản điện tử văn bản đề nghị theo Mẫu số 01 Phụ lục I kèm theo Thông tư này, kèm theo danh sách phương tiện đề nghị cấp giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không theo Mẫu số 06 Phụ lục I kèm theo Thông tư này.

Phụ lục IV
HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP, PHỤC HỒI NĂNG ĐỊNH ĐỐI VỚI CÁN BỘ, CHIẾN SĨ, NHÂN VIÊN KIỂM SOÁT AN NINH HÀNG KHÔNG

(Kèm theo Thông tư số 115/2026/TT-BCA ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công an)

1. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thực hiện nhiệm vụ kiểm soát an ninh hàng không lần đầu

(1) Bản chính hoặc bản điện tử văn bản đề nghị theo Mẫu số 02 Phụ lục I kèm theo Thông tư này;

(2) Bản sao có chứng thực hoặc nộp bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc nộp bản sao điện tử có chứng thực (đối với trường hợp nộp hồ sơ trên môi trường điện tử) văn bằng, chứng chỉ chuyên môn phù hợp;

(3) 01 ảnh màu chân dung (đối với trường hợp gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính) hoặc ảnh màu chân dung được số hóa (đối với trường hợp gửi trên môi trường điện tử) kích thước 03cm x 04cm (chụp trên phông nền màu trắng, đầu và vai thẳng để khuôn mặt chiếm từ 70% đến 80% ảnh, không quá 06 tháng kể từ ngày chụp tính đến ngày nộp hồ sơ).”

2. Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép thực hiện nhiệm vụ kiểm soát an ninh hàng không đã hết thời hạn hiệu lực, mất, hỏng bao gồm:

(1) Bản chính hoặc bản điện tử văn bản đề nghị theo Mẫu số 02 Phụ lục I kèm theo Thông tư này;

(2) 01 ảnh màu chân dung (đối với trường hợp gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính) hoặc ảnh màu chân dung được số hóa (đối với trường hợp gửi trên môi trường điện tử), kích thước 03cm x 04cm (chụp trên phông nền màu trắng, đầu và vai thẳng để khuôn mặt chiếm từ 70% đến 80% ảnh, không quá 06 tháng kể từ ngày chụp tính đến ngày nộp hồ sơ).

3. Hồ sơ đề nghị gia hạn, bổ sung, phục hồi năng định đối với cán bộ, chiến sĩ, nhân viên kiểm soát an ninh hàng không:

(1) Bản chính hoặc bản điện tử văn bản đề nghị theo Mẫu số 02 Phụ lục I kèm theo Thông tư này;

(2) Bản sao hoặc bản sao điện tử kết quả huấn luyện định kỳ phù hợp với năng định đề nghị cấp lại, phục hồi;

(3) Bản sao xuất trình bản chính văn bằng, chứng chỉ chuyên môn phù hợp để đối chiếu hoặc nộp bản sao có chứng thực văn bằng, chứng chỉ chuyên môn phù hợp hoặc nộp bản sao điện tử có chứng thực (đối với trường hợp nộp trên môi trường điện tử) văn bằng, chứng chỉ chuyên môn phù hợp (trường hợp bổ sung năng định).